

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn Gi, sinh năm 1965;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh A.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Hoàng D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh A.

- Bà Dương Thị Hồng H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 71/7/3 đường P, phường 4, Quận 5, thành phố M.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh A.

(Ông Gi, bà H, ông D và bà H có mặt; bà G xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Gi, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 07/12/2020 ông, bà có hợp đồng gửi tiền mặt lấy lãi cho ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H. Số tiền ông, bà gửi là 1.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời gian gửi là 06 tháng sẽ lấy lại số tiền gốc và lãi suất. Tuy nhiên, đến ngày 07/6/2021 ông D, bà H không trả lại tiền gốc cho ông, bà mà chỉ trả tiền lãi là 120.000.000 đồng. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông D, bà H không trả nợ cho ông, bà.

Tại phiên tòa, ông Gi và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H phải liên đới trả cho ông, bà số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 07/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17 tháng 26 ngày ($1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 148.293.000 \text{ đồng}$ đã làm tròn) thành tiền là 148.293.000 đồng. Ông Gi, bà H đồng ý khấu trừ số tiền ông D, bà H đã trả cho ông, bà là 120.000.000 đồng vào phần tiền lãi $148.293.000 \text{ đồng} - 120.000.000 \text{ đồng} = 28.293.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông D, bà H phải liên đới trả cho ông, bà là 1.028.293.000 đồng.

Bị đơn bà Dương Thị Hồng H trình bày:

Trước đây vợ chồng bà có vay tiền của ông Gi, bà H, đến ngày 07/12/2020 thì vợ chồng bà tiếp tục vay tiền của ông Gi, bà H với số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/triệu, thời hạn vay 06 tháng, vợ chồng bà vay tiền về để đầu tư kinh doanh vật tư nông nghiệp, thanh toán nợ cho công ty và đại lý cấp 1. Bà là người trực tiếp nhận tiền, do lúc nhận tiền thì không có ông D ở nhà nên bà đại diện ký nhận nợ, vợ chồng bà đã trả cho ông Gi, bà H số tiền lãi là 120.000.000 đồng. Nay bà đồng ý liên đới với ông D trả cho ông Gi, bà H số tiền vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất, không yêu cầu khấu trừ số tiền 120.000.000 đồng đã trả cho ông Gi.

Bị đơn ông Lê Hoàng D trình bày:

Trước đây vợ chồng ông có vay tiền để làm ăn, khi vay hai vợ chồng có bàn bạc và cùng nhau ký biên nhận. Việc mua bán và kinh doanh của đại lý Hoàng D do bà H chịu trách nhiệm, đến tháng 5/2021 thì bà H giao việc kinh doanh lại cho ông. Việc bà H vay của ông Gi, bà H số tiền 1.000.000.000 đồng thì ông không biết, bà H không có bàn bạc với ông.

Nay ông không đồng ý liên đới với bà H trả cho ông Gi, bà H số tiền vay 1.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Ông đồng ý liên đới trả tiền khi bà Hạnh chứng minh được việc sử dụng số tiền vay trên vào mục đích kinh doanh chung của vợ chồng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 07/12/2020, ông Gi và bà H có đến đại lý Hoàng D gặp bà H, sau đó bà H nhờ bà in hợp đồng gửi tiền mặt lấy lãi, bà chỉnh sửa lại ngày tháng năm và số tiền gửi, còn hợp đồng thì đã có sẵn mẫu trên máy tính của đại lý Hoàng D, việc giao nhận tiền giữa các bên thì bà hoàn toàn không biết, bà không biết bà H vay tiền sử dụng vào mục đích gì. Ông D, bà H đều phụ trách kinh doanh của đại lý và bà H có đứng ra mua bán, thanh toán tiền với công ty, đại lý khác. Bà có giao tiền cho ông Gi, bà H nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể và giao bao nhiêu lần, số tiền bà giao cho ông Gi, bà H là của đại lý Hoàng D, bà không nhớ rõ ông D hay bà H kêu bà giao.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Ông Phạm Văn Gi, bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông Gi, bà H yêu cầu bà H và ông D liên đới trả cho ông, bà số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử xong là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi vì: Căn cứ vào “Hợp đồng gửi tiền mặt lấy lãi ngày 07/12/2020” có chữ ký của bà H thể hiện bà H có vay tiền của ông Gi, bà H và hẹn đến ngày 07/6/2021 trả, nhưng đến hạn bà H không trả. Bản thân bà H thừa nhận bà và ông D vay tiền của ông Gi và bà H để mua bán phân thuốc và trả nợ cho cửa hàng nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, ông D không thừa nhận việc vay tiền và trả lãi cho ông Gi và bà H. Do đó, yêu cầu của ông Gi và bà H là có cơ sở chấp nhận một phần phù hợp với quy định tại Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Buộc bà H trả tiền số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày vay đến nay, ông D không phải liên đới với bà H trả tiền cho ông Gi và bà H.

Ông Gi và bà H đồng ý khấu trừ số tiền 120.000.000 đồng lãi suất mà bà H đã trả nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông Gi, bà H yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả số tiền vay là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 07/12/2020, đồng ý khấu trừ số tiền đã trả lãi là 120.000.000 đồng vào phần lãi suất.

Bà H thừa nhận có nợ ông Gi, bà H số tiền 1.000.000.000 đồng, bà H đồng ý liên đới với ông D trả số tiền gốc 1.000.000.000 đồng cho ông Gi, bà H, xin không trả tiền lãi suất.

Ông D không thừa nhận nợ và không đồng ý liên đới với bà H trả tiền cho ông Gi, bà H.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1]. Bà H thừa nhận nợ ông Gi, bà H và đồng ý trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông D cho rằng bà H mượn tiền của ông Gi, bà H ông không biết nên ông không đồng ý liên đới với bà H trả nợ theo yêu cầu của ông Gi, bà H.

Xét thấy: Bà H khai vay tiền của ông Gi, bà H để đầu tư kinh doanh vật tư nông nghiệp chung cho vợ chồng, trả nợ cho công ty, đại lý cấp 1, lời khai của bà H phù hợp với lời khai của ông Gi, bà H về việc sử dụng số tiền vay. Ông D thừa nhận bà H là người phụ trách kinh doanh chung của vợ chồng, bà H là người trả nợ cho công ty, đại lý khi kinh doanh.

Theo quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của luật này”.

Do đó, ông D phải có nghĩa vụ liên đới với bà H trả tiền cho ông Gi, bà H là có căn cứ.

Như vậy, việc ông D và bà H vay tiền của ông Gi, bà H là có thật. Nay ông Gi, bà H yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả số tiền 1.000.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Ông Gi, bà H yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả lãi đối với số tiền vay, thời hạn tính lãi kể từ ngày 07/12/2020, theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 148.293.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Ông Gi, bà H đồng ý khấu trừ số tiền ông D, bà H đã trả 120.000.000 đồng vào tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận: 148.293.000 đồng – 120.000.000 đồng = 28.293.000 đồng.

Như vậy, ông Gi và bà H yêu cầu ông D, bà H phải liên đới trả tổng số tiền 1.028.293.000 đồng là có căn cứ.

[3.2]. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là không có căn cứ chấp nhận như phần nhận định trên.

[3.3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông Gi, bà H được chấp nhận nên ông D và bà H phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Gi, bà H.

Ông Gi, bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Gi, bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 17, 27, 37 luật Hôn nhân gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Gi, bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn Gi, bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 1.028.293.000 đồng (tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng + 28.293.000 đồng tiền lãi suất = 1.028.293.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Lê Hoàng D, bà Dương Thị Hồng H phải liên đới chịu 42.848.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn Gi, bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Gi và bà H 22.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003055 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Chí Dũng